

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI – CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH QUAN TRỌNG KHI THAM GIA CÁC FTA

Ông Lê Triệu Dũng
*Phó Cục trưởng phụ trách Cục Phòng vệ thương mại
Bộ Công Thương*

1. Khái quát chung về các biện pháp phòng vệ thương mại

1.1. Pháp luật quốc tế về các biện pháp PVTM

Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia cam kết cắt giảm những rào cản thương mại để hàng hóa có thể lưu thông một cách tối đa qua biên giới các nước. Các biện pháp bảo hộ thương mại truyền thống như thuế nhập khẩu sẽ bị loại bỏ. Tuy nhiên, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cho phép áp dụng một số biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) trong những trường hợp hàng hóa nhập khẩu cạnh tranh không công bằng, gây thiệt hại tới ngành sản xuất của nước nhập khẩu. Các biện PVTM này là biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.

Về bản chất, biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng để đối phó với hành vi cạnh tranh không lành mạnh hay không công bằng của hàng hóa nhập khẩu. Biện pháp tự vệ là công cụ bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa trong nước nhằm hạn chế những tác động tiêu cực gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước do hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến.

1.2. Pháp luật Việt Nam về các biện pháp PVTM

a) Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam về PVTM trước năm 2018

Với mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật để tương thích với các Hiệp định của WTO, các quy định về PVTM của Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở nội luật hóa các Hiệp định của WTO về chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.

Trước năm 2018, hệ thống văn bản pháp luật về PVTM đều là văn bản dưới luật (Pháp lệnh và Nghị định) và thực tiễn áp dụng đã cho thấy một số vướng mắc, bất cập cần điều chỉnh, hoàn thiện.

Chống bán phá giá	Chống trợ cấp	Tự vệ
- Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; - Nghị định 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.	- Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 8 năm 2004 về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; - Nghị định 89/2005/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.	- Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 07 tháng 6 năm 2002 về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam; - Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

b) Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam về PVTM từ năm 2018

Trên cơ sở thực trạng hệ thống văn bản pháp luật về PVTM trước năm 2018 còn nhiều vướng mắc, từ năm 2015-2018, các văn bản pháp luật về PVTM được rà soát tổng thể và chi tiết để đưa vào chương trình dự thảo Luật Quản lý Ngoại thương.

Từ năm 2018, pháp luật về PVTM của Việt Nam bao gồm những văn bản pháp luật sau đây:

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Quản lý Ngoại thương);

- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Thuế Xuất nhập khẩu) và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan;

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định 10/2018/NĐ-CP);

- Thông tư số 06/2018/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Thông tư 06/2018/TT-BCT).

1.3. Cam kết về PVTM trong các FTA mà Việt Nam tham gia

Tính đến tháng 10 năm 2018, Việt Nam đã có quan hệ thương mại tự do với 55 đối tác thương mại thông qua việc ký kết 13 FTA và đang đàm phán 3 FTA khác. Trong 13 FTA đã ký kết và thực thi có 7 FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN (gồm FTA thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN, 6 FTA giữa ASEAN với các đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Úc và Niu Dilan, Hồng Kông), 6 FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập (Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á- Âu, FTA với Liên minh châu Âu, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương- CPTPP). Ba FTA còn lại đang được đàm phán bao gồm: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTA với Israel và FTA với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA).

Các nội dung cơ bản về PVTM của Việt Nam trong các FTA như sau:

- Các nội dung về PVTM về cơ bản đều dựa trên các cam kết chung về PVTM trong khuôn khổ WTO.

- Tùy thuộc vào đối tác và tầm quan trọng của thị trường xuất khẩu, Việt Nam có thể linh hoạt trong phạm vi và nội dung áp dụng biện pháp PVTM.

- Về nội dung quy định, đa số các quy định về PVTM trong các FTA của Việt Nam liên quan đến biện pháp tự vệ. Một số ít hiệp định có đề cập đến các biện pháp khác như chống bán phá giá, chống trợ cấp theo hướng dẫn chiếu tới việc áp dụng quy định của WTO.

- Đối với trường hợp quy định bổ sung thêm ngoài các quy định của WTO, ngoại trừ EVFTA và CPTPP bổ sung thêm quy định đối với biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, các FTA khác của Việt Nam đều tập trung bổ sung thêm các quy định về biện pháp tự vệ song phương và khu vực. Đối với biện pháp tự vệ toàn cầu, các FTA của Việt Nam thường dẫn chiếu tới các quy định của WTO.

2. Phòng vệ thương mại – công cụ chính sách quan trọng khi tham gia các FTA

2.1. Thực trạng áp dụng các biện pháp PVTM

Các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các FTA thế hệ mới với mục tiêu xóa bỏ phần lớn thuế quan cho hàng hóa giữa Việt Nam và các nước đối tác, bao gồm cả những đối tác đặc biệt lớn như Hoa Kỳ hay EU, sẽ tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, giúp hàng hóa của ta tăng sức cạnh tranh khi tiếp cận thị trường các nước đối tác FTA. Đặt trong tương quan so sánh với WTO, ở đó các nước chỉ cam kết *cắt giảm* đối với *một số* dòng thuế, các FTA mang lại những lợi thế hơn hẳn về thuế quan ưu đãi khi có các cam kết *loại bỏ* đối với *hầu hết* các dòng thuế.

Tuy nhiên, tiến trình tự do hoá thương mại toàn cầu ngày càng sâu rộng cùng với sự gia tăng của các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương cũng gây sức ép cạnh tranh đối với các ngành sản xuất trong nước, dẫn đến việc các nước gia tăng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như một công cụ chính sách hợp pháp để bảo vệ sản xuất trong nước.

Để thấy vai trò của biện pháp phòng vệ thương mại trong quá trình tự do hóa thương mại, có thể lấy ví dụ về các vụ kiện phòng vệ thương mại đối với hàng hóa Việt Nam. Tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2018, có 141 vụ việc PVTM được khởi xướng điều tra bởi 18 quốc gia và vùng lãnh thổ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Trong số đó, Hoa Kỳ là nước khởi xướng điều tra nhiều nhất (27 vụ, chiếm khoảng 20%); thứ hai là Thổ Nhĩ Kỳ (20 vụ, chiếm khoảng 15%); thứ ba là Ấn Độ (17 vụ, chiếm khoảng 12%) và thứ tư là EU (14 vụ, chiếm khoảng 11%). Dẫn đầu là các vụ việc điều tra chống bán phá giá (81 vụ việc, chiếm 60%); tiếp đó là các vụ việc tự vệ (27 vụ, chiếm 18%); thứ ba là các vụ việc chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá (19 vụ việc, chiếm 13%) và cuối cùng là các vụ việc chống trợ cấp (14 vụ việc, chiếm 9%). Trong đó, riêng 10 tháng đầu năm 2018, số vụ việc mới được khởi xướng là 16 vụ. Những vụ việc này đã tác động tới xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt đối với một số ngành như thủy sản, sắt thép, v.v...

Về phía Việt Nam, trong thời gian vừa qua, chúng ta cũng đã tăng cường điều tra và áp dụng các biện pháp PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước một cách hợp lý, phù hợp với quy định của WTO và các cam kết quốc tế. Trong giai đoạn 2016 tới tháng 10 năm 2018, Bộ Công Thương đã áp dụng

6 biện pháp PVTM đối với phân bón DAP, bột ngọt, các sản phẩm sắt thép như phôi thép, thép dài, thép mạ, thép hình và tôn màu. Các biện pháp này đã giúp bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, bảo vệ hợp lý và khuyến khích sản xuất trong nước, bảo vệ công ăn việc làm cho người lao động, hỗ trợ cân bằng cán cân thanh toán quốc tế. Theo tính toán, những ngành sản xuất này ước tính đang sử dụng khoảng 100.000 lao động, đóng góp khoảng 6,13% GDP của cả nước. Với việc tăng thuế nhập khẩu, các biện pháp PVTM cũng đã góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Qua theo dõi tác động của các biện pháp PVTM, Bộ Công Thương nhận thấy việc tăng trưởng nhập khẩu ồ ạt với những sản phẩm này đã giảm đi đáng kể. Nhờ các chính sách phù hợp của Nhà nước và nỗ lực của mình, một số doanh nghiệp đã cải thiện đáng kể tình hình sản xuất kinh doanh, thoát khỏi thua lỗ và từng bước ổn định sản xuất.

Các biện pháp PVTM cũng góp phần ổn định giá đầu vào cho một số ngành sản xuất trong nước. Cụ thể, như đối với phân bón DAP, khi có sản xuất trong nước để tạo đối trọng, giá mặt hàng này đã thấp hơn thời kỳ phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu trước đó. Chính vì vậy, việc áp dụng công cụ PVTM để bảo vệ các ngành sản xuất liên quan đến nông nghiệp, xây dựng... vừa là để bảo vệ sản xuất và việc làm trong nước đồng thời giảm mức độ phụ thuộc vào hàng hóa nhập khẩu. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước đã tăng cường xuất khẩu sau khi biện pháp PVTM được áp dụng (như thép Hòa Phát, tôn Đông Á, DAP Hải Phòng...), cho thấy năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp được bảo đảm. Như vậy, các biện pháp PVTM được ta áp dụng kịp thời đã góp phần ngăn chặn những tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu, cạnh tranh không lành mạnh với hàng hóa trong nước và bảo đảm giữ vững sản xuất trong nước cũng như năng lực cạnh tranh.

2.2. Những yêu cầu cấp thiết trong lĩnh vực PVTM đối với các doanh nghiệp khi Việt Nam tham gia các FTA

Từ góc độ thực thi, để tham gia có hiệu quả, tận dụng tốt cơ hội mà các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, bên cạnh việc nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, các doanh nghiệp cần chuẩn bị kỹ, tìm hiểu cam kết cụ thể trong các FTA này, trong đó có cam kết về các biện pháp PVTM để có thể khai thác, sử dụng một cách phù hợp. Cụ thể là:

a. Tăng cường nhận thức để sử dụng có hiệu quả công cụ PVTM trong các FTA mà Việt Nam tham gia

Nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay về công cụ PVTM tuy có cải thiện nhưng nhìn chung còn yếu. Trong khi đó, tính chất phức tạp và thời gian theo kiệntương đối dài của các biện pháp PVTM đòi hỏi doanh nghiệp cần nắm rõ bản chất và các điều kiện sử dụng công cụ này. Do đó, để tăng cường nhận thức về các biện pháp PVTM trong các FTA, cộng đồng doanh nghiệp cần thiết phải chú ý triển khai các biện pháp sau đây:

- Tăng cường thông tin về PVTM trong các FTA qua kênh Hiệp hội ngành hàng. Các hiệp hội có thể lấy thông tin hoặc tư vấn từ các đơn vị chuyên môn như các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan hoặc VCCI. Cách thức này vừa hiệu quả (về chất lượng thông tin), vừa đúng đối tượng và tiết kiệm được nguồn lực;

- Có cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp để đánh giá mức độ cạnh tranh của các ngành, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch nâng cao khả năng cạnh tranh cho những ngành có lợi thế cạnh tranh và định hướng điều chỉnh sản xuất cho các các ngành, doanh nghiệp không có khả năng cạnh tranh để tận dụng tối đa những lợi ích từ các FTA;

- Chủ động tiếp cận thông tin của các kênh thông tin chuyên môn như Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương (TRAV), VCCI. Bên cạnh đó, còn có một số công ty, văn phòng luật sư cũng đang cung cấp dịch vụ tư vấn về vấn đề này;

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền vận dụng các biện pháp phòng vệ thương mại được phép áp dụng trong WTO và các FTA để hỗ trợ cũng như bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không công bằng của hàng hóa nhập khẩu;

- Tăng cường, đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại; thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, sản phẩm; tìm kiếm và mở rộng các kênh bán hàng, phân phối v.v...; trong đó, chú trọng các nước đối tác trong các FTA hiện hành và có tiềm năng đem lại tác động tích cực cho thương mại Việt Nam.

b. Xây dựng năng lực về PVTM cho doanh nghiệp

Để chuyển từ việc hiểu biết về công cụ PVTM đến việc có thể sử dụng công cụ đó trên thực tế, doanh nghiệp cần được xây dựng năng lực đáp ứng các điều kiện pháp luật và thực tiễn liên quan. Trong khi đó, doanh nghiệp Việt Nam hiện đang rất hạn chế trong năng lực để có thể thực sự tiến hành

khởi kiện PVTM. Vì vậy, bản thân các doanh nghiệp cần chủ động có các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ PVTM để giải quyết các vướng mắc về năng lực này.

Một là, tăng cường nguồn nhân lực của doanh nghiệp về PVTM

Giải pháp này có thể thực hiện thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo cán bộ cho doanh nghiệp về vấn đề PVTM. Về cơ bản, các cán bộ phụ trách chiến lược của doanh nghiệp chỉ cần có những hiểu biết chung nhưng chính xác về bản chất, về các điều kiện sử dụng, các lợi ích của kiện PVTM và yêu cầu đối với doanh nghiệp. Việc đào tạo doanh nghiệp về PVTM có thể do các tổ chức chuyên môn thực hiện trực tiếp, hoặc thông qua việc tự đào tạo (dựa trên các bản ghi âm, video đào tạo do các tổ chức chuyên môn cung cấp...).

Hai là, tăng cường nguồn vật lực của doanh nghiệp về PVTM

Kiện PVTM luôn đòi hỏi một khoản chi phí lớn cho nhiều hoạt động liên quan. Bản chất của kiện PVTM là vì lợi ích và xuất phát từ chính nhu cầu của doanh nghiệp nên không thể dựa vào các nguồn lực từ bên ngoài (hỗ trợ của doanh nghiệp khác, hỗ trợ từ Nhà nước...). Do đó, doanh nghiệp cần được tư vấn, tuyên truyền để có kế hoạch tài chính cho các hoạt động pháp lý, để tạo nguồn lực sẵn sàng cho việc đi kiện PVTM khi cần thiết. Trong khuôn khổ các hiệp hội ngành hàng cũng cần có một khoản quỹ dành cho việc này, được tạo thành từ nguồn lực của hiệp hội và từ các hội viên bởi ngoài các chi phí riêng cho kiện PVTM từ doanh nghiệp, cũng có một số hoạt động cần hành động chung của nhiều doanh nghiệp thông qua Hiệp hội.

Để giảm bớt gánh nặng này cho doanh nghiệp, các doanh nghiệp có thể thường xuyên đăng ký tham gia các dịch vụ tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp từ các tổ chức chuyên môn ở các khía cạnh phù hợp (hội nghị, hội thảo, tập huấn tuyên truyền phổ biến pháp luật PVTM của các cơ quan chuyên môn, tư vấn ban đầu, tư vấn lựa chọn công cụ PVTM thích hợp, tư vấn lựa chọn chuyên gia pháp lý có chất lượng...). Để tiết kiệm chi phí cho việc tìm kiếm, mua, tập hợp các thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu về bằng chứng hỗ trợ đơn kiện, doanh nghiệp có thể đề nghị hỗ trợ từ phía các cơ quan chứng hỗ trợ đơn kiện, doanh nghiệp có thể đề nghị hỗ trợ từ phía các cơ quan chứng năng cung cấp các thông tin sẵn có từ các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có liên quan.

Ba là, đa dạng hóa các công cụ chiến lược kinh doanh của doanh

ngành, bao gồm cả các công cụ PVTM

Đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có khả năng bị tác động đáng kể bởi hàng hóa cùng loại nhập khẩu từ nước ngoài, cần thiết phải đưa PVTM vào danh sách các công cụ được cân nhắc khi xây dựng chiến lược kinh doanh hoặc phương án đối phó với các vấn đề gặp phải trong quá trình kinh doanh. Chỉ bằng cách này doanh nghiệp mới có thể từ đó dành đầu tư thích đáng để chuẩn bị cho công cụ này (về cả nguồn nhân lực, vật lực).

c. Nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong một vụ kiện PVTM

Liên quan tới tăng cường sử dụng hiệu quả các công cụ PVTM ở Việt Nam, ngoài các giải pháp để cải thiện năng lực của từng doanh nghiệp cũng như sự liên kết giữa các doanh nghiệp với nhau, cần thiết phải tính tới các giải pháp nhằm cải thiện cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong điều tra PVTM. Trong khi doanh nghiệp là chủ thể không thể thiếu cho việc khởi xướng điều tra PVTM, cơ quan điều tra (Cục PVTM – Bộ Công Thương) là chủ thể cần cho các cuộc điều tra PVTM ở Việt Nam. Sự phối kết hợp giữa hai chủ thể này là không thể thiếu trong việc áp dụng các công cụ PVTM ở Việt Nam.

Một là, tăng cường phối hợp của cộng đồng doanh nghiệp

Việc tăng cường phối hợp của các doanh nghiệp với nhau cần tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao khả năng tập hợp lực lượng của các Hiệp hội ngành hàng. Hiệp hội ngành hàng là kênh tập hợp lực lượng của nguyên đơn hiệu quả nhất không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các nước trên thế giới. Việc tập hợp lực lượng thông qua hiệp hội ngành hàng có lợi thế rất lớn trong việc tận dụng “đầu mối sẵn có” (là hiệp hội) cho tất cả các hoạt động cần thiết (mà đôi khi là rất nhiều) của một vụ kiện PVTM. Các hiệp hội ngành hàng của Việt Nam hiện đa số còn rất yếu về năng lực, thiếu về nhân lực và nguồn lực. Vì vậy, các hiệp hội ngành hàng cần chú trọng hơn nữa trong việc tham gia một số chương trình hỗ trợ kỹ thuật quốc tế tập trung giúp nâng cao năng lực hiệp hội ngành hàng ở các khía cạnh vận động chính sách, xúc tiến thương mại, tập hợp lực lượng để sử dụng các công cụ PVTM khi cần thiết.

- Tăng cường việc kết nối, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp. Một khi vụ điều tra đã được khởi xướng, việc tham gia phối hợp giữa các

doanh nghiệp trong thực hiện trách nhiệm/nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn và phản biện các lập luận của bị đơn là yêu cầu tất yếu. Vì vậy, để có thể sử dụng công cụ PVTM và tiếp theo là sử dụng công cụ này hiệu quả, việc liên kết, phối hợp giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành là rất cần thiết. Trong bối cảnh môi liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn là bất cập lớn chưa thể xử lý được, việc tăng cường phối hợp giữa các doanh nghiệp có chung sản phẩm có thể được thực hiện qua việc: Hình thành các nhóm doanh nghiệp cùng sản xuất các sản phẩm liên quan có nguy cơ cao (trường hợp không/chưa có hiệp hội); hoặc thiết lập các nhóm doanh nghiệp nhỏ trong hiệp hội ngành hàng liên quan tới một số sản phẩm quan trọng/có nguy cơ cao. Các nhóm này đồng thời cũng sẽ là hạt nhân cốt lõi trong các hoạt động tham gia vụ kiện PVTM khi vụ kiện được khởi xướng.

Hai là, tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước có liên quan

Các cơ quan Nhà nước có liên quan tới vụ việc PVTM có thể bao gồm:

- + Cơ quan điều tra: Cục PVTM – Bộ Công thương (phụ trách cả điều tra phá giá/ trợ cấp/ tự vệ và điều tra thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa);
- + Bộ Công Thương (chủ thể ra quyết định áp dụng các biện pháp PVTM sơ bộ, chính thức);
- + Cơ quan thuế (phụ trách việc thực hiện phân loại và thu thuế PVTM tạm thời, chính thức).

Ngoài ra, còn có những cơ quan Nhà nước khác mặc dù không có thẩm quyền hay chức năng, nhiệm vụ trực tiếp trong vụ việc điều tra PVTM nhưng lại có liên quan gián tiếp tới các vụ điều tra này, ví dụ Cơ quan Hải quan khi cơ quan này thực hiện việc cung cấp các thông tin, dữ liệu nhập khẩu phục vụ điều tra PVTM (khối lượng, số lượng, giá nhập khẩu, diễn tiến nhập khẩu...) trực tiếp cho doanh nghiệp (khi có cơ chế) hoặc theo yêu cầu của cơ quan điều tra.

Đối với các cơ quan này, doanh nghiệp có thể đề nghị được hỗ trợ dưới các hình thức:

- + Đơn giản hóa, cải cách thủ tục hành chính liên quan tới việc đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp gắn với mục tiêu kiện PVTM;
- + Phối hợp hiệu quả, kịp thời với cơ quan điều tra trong việc cung cấp

thông tin phục vụ điều tra.

Việc Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các FTA thế hệ mới đã và đang đặt ra những lợi ích, kỳ vọng nhưng cũng đồng thời là những thách thức được báo trước, trong đó có vấn đề PVTM. Vì vậy, các doanh nghiệp trong nước cần có sự chuẩn bị tốt nhất để sẵn sàng với những cơ hội và thách thức hội nhập lớn từ những FTA sâu rộng nhất từ trước tới nay.